1

TÔI VÀ CÁC BẠN

Bài 1 TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự đơn giản, người viết tự giới thiệu về mình; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi về nhân vật; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh về một số hoạt động quen thuộc (đá bóng, đọc sách, kéo co, múa) và suy luận từ tranh được quan sát.

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh, về những gì các em thích và không thích cũng như những thay đổi của các em từ khi đi học.

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung: tình yêu đối với bạn bè, thầy cô và nhà trường; sự tự tin; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự, người viết tự giới thiệu về mình; nội dung của VB *Tôi là học sinh lớp 1* (lời kể của cậu bé Nam, nói về bản thân mình từ ngày đi học đến nay).
- GV nắm được kĩ năng giới thiệu bản thân trước nhiều người để có thể làm mẫu hoặc hướng dẫn cho HS (mắt nhìn vào người đối thoại, gương mặt tươi cười, biểu cảm tự tin, nói năng mạch lạc,…).
- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*đồng phục, hãnh diện, chững chạc*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

GV nắm được những thay đổi chung về tâm sinh lí của HS lớp 1 từ ngày bắt đầu khai giảng đến hết học kì 1. Quan sát kĩ từng em để thấy được sự tiến bộ ở từng cá nhân, để giúp các em nói về bản thân trước lớp theo yêu cầu bài học. Qua đó, GV có biện pháp khích lệ, giúp đỡ các em hoàn thiện bản thân.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể sưu tầm những clip giới thiệu về bản thân của HS tiểu học để trình chiếu trước lớp.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- GV tổ chức hoạt động phù hợp để HS được trải nghiệm và trả lời câu hỏi *Từ khi đi học, em thích và không thích những gì?*. Từ các câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài học *Tôi là học sinh lớp 1. Tiếng Việt 1* luôn chủ trương khuyến khích GV thiết kế các "kịch bản" đa dạng và sáng tạo, có thể khác với gợi ý của SGV miễn sao đáp ứng được mục tiêu của từng hoạt động dạy học và mục tiêu của cả bài học nói chung. Vì vậy, hướng dẫn ở trên được áp dụng cho nhiều bài học tiếp theo.
- GV cũng có thể tổ chức hoạt động khởi động theo gợi ý sau:
  + GV yêu cầu HS nói về những điều các em thích hoặc không thích từ khi đi học đến nay. GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý giúp HS nói được nhiều hơn về bản thân, về sở thích, mong ước cá nhân, VD: *Các em đã học một học kì, các em thấy đi học có vui không?; Em thân nhất với bạn nào trong lớp?; Đồ ăn ở trường có ngon không?; Em thích nhất món nào?; Đi học mang lại cho em những gì?; Em có thay đổi gì so với đầu năm học?; Em không thích điều gì ở trường?...* (Có thể chiếu clip về những đoạn giới thiệu bản thân của HS lớp 1 mà GV đã chuẩn bị).
  + Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể nhận xét, bổ sung hoặc có câu trả lời khác.
  + GV nhắc lại một số câu trả lời của HS, sau đó dẫn vào bài đọc *Tôi là học sinh lớp 1*.

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- HS đọc câu.
  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*hãnh diện, truyện tranh,...*).
  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Tôi tên là Nam,/ học sinh lớp 1A,/ Trường Tiểu học Lê Quý Đôn;...*)
- HS đọc đoạn.
  + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *hãnh diện lắm*, đoạn 2: phần còn lại).
  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài (*đồng phục*: quần áo được may hàng loạt cùng một kiểu dáng, cùng một màu sắc theo quy định của một trường học, cơ quan, tổ chức; *hãnh diện*: vui sướng và tự hào; *chững chạc*: đàng hoàng, ở đây ý nói: có cử chỉ và hành động giống như người lớn).
  + HS đọc đoạn theo nhóm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– HS và GV đọc toàn VB.

+ 1 – 2 HS đọc thành tiếng cả VB. GV lưu ý HS khi đọc văn bản, hãy "nhập vai" coi mình là nhân vật Nam, giọng đọc biểu lộ sự sôi nổi, vui vẻ và hào hứng.

+ GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. *Bạn Nam học lớp mấy?* b. *Hồi đầu năm, Nam học gì?* c. *Bây giờ, Nam biết làm gì?*).

– HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Nam học lớp 1;* b. *Hồi đầu năm học, Nam mới bắt đầu học chữ cái;* c. *Bây giờ, Nam đã đọc được truyện tranh, biết làm toán.*)

Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3

– GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a (có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (*Nam học lớp 1.*)

– **GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu (đồng thời cũng là tên riêng); đặt dấu chấm cuối câu. GV hướng dẫn HS tô chữ N viết hoa, sau đó viết câu vào vở. Khi viết câu, GV cho HS tự chọn viết chữ N viết hoa hoặc chữ N in hoa (mẫu chữ in hoa, xem ở phần đầu vở Tập viết). Nên khuyến khích HS viết chữ in hoa cho đơn giản. Điều lưu ý này áp dụng cho các phần có liên quan đến viết chữ hoa trong toàn tập hai.**

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.

– GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Nam rất hãnh diện khi được cô giáo khen.*)

– GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh

– GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.

– GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh. (VD: tranh 1, có thể nói: *Các bạn chơi đá bóng rất hào hứng/ Em rất thích chơi đá bóng cùng các bạn;* tranh 2: *Em thích đọc sách/ Đọc sách rất thú vị,…*)

– HS và GV nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

– GV đọc to cả hai câu. (*Nam đã đọc được truyện tranh. Nam còn biết làm toán nữa.*)

– GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:

+ Viết lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.

+ Chữ dễ viết sai chính tả: *truyện tranh, làm, nữa.*

– GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– Đọc và viết chính tả:

+ GV đọc câu theo từng cụm từ cho HS viết. (*Nam/ đã đọc được/ truyện tranh./ Nam/ còn biết/ làm toán nữa.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

+ Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần cả câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.

+ HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.

+ GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

– GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ phù hợp.

– Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).

– Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Chọn ý phù hợp để nói về bản thân em

– Đây là phần luyện nói theo những gợi ý cho sẵn. GV giải thích: HS tự chọn các ý đúng với bản thân và nói lại câu hoàn chỉnh với các bạn (không cần phải lấy tất cả các ý). VD: *Từ khi đi học lớp 1, em thức dậy sớm hơn,…*

– HS đọc thầm các nội dung trong SHS, sau đó thảo luận nhóm.

– GV gọi một vài HS trình bày trước lớp.

10. Củng cố

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

– HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.